

---

---

## “**HỢP TÁC VÌ NƯỚC**” CHO ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG: HIỆN TRẠNG, THỬ THÁCH VÀ GIẢI PHÁP

**PGS.TS. Lê Anh Tuấn**

(Viện Nghiên cứu Biến đổi Khí hậu – Đại học Cần Thơ)

### **TÓM TẮT**

*Đồng bằng Sông Cửu Long (ĐBSCL) là vùng hạ lưu cuối cùng của sông Mekong trước khi đổ ra biển. Đây là vùng thu nhận nguồn nước lớn nhất nước, cả từ sông và từ biển. Nhờ nguồn nước dồi dào, khối lượng phù sa lớn và điều kiện khí hậu tương đối thuận lợi, trong hàng thập niên vừa qua, vùng đồng bằng này là nơi sản xuất sản lượng lương thực và thực phẩm lớn nhất nước. Đồng bằng Sông Cửu Long đã đóng vai trò tiên phong trong việc đảm bảo an ninh lương thực quốc gia cũng như cung ứng nguồn xuất khẩu nông hải sản đáng kể cho thế giới.*

*Trong nhiều năm qua, nguồn nước sông Mekong vừa mang lại lợi ích to lớn cho nền kinh tế nông nghiệp và thủy sản cho vùng ĐBSCL nhưng cũng là yếu tố hạn chế cho vấn đề dân sinh trong khu vực. Vùng ĐBSCL phụ thuộc vào hơn 80% tổng lượng nước ngọt hằng năm từ thượng nguồn sông Mekong. Chất lượng nước sông có thể bị chi phối cả ba tính chất: nước mặn từ biển Đông và biển Tây xâm nhập vào nội địa, nước chua từ các tầng đất phèn, và nước ô nhiễm từ các hoạt động của con người. Hệ thống sông ngòi, kênh mương ở ĐBSCL là một thể thủy văn thống nhất. Các thách thức trong việc khai thác nguồn nước nơi này có thể ảnh hưởng đến nơi khác. Các công trình kiểm soát nước lũ để canh tác lúa – màu ở thượng nguồn gây ngập úng ở hạ nguồn hoặc việc mở rộng diện tích canh tác nuôi trồng thủy sản ven biển có thể làm mặn xâm nhập sâu hơn vào đất liền. Nguy cơ đến an ninh nguồn nước sẽ gia tăng gấp nhiều lần khi xem xét thêm tác động của biến đổi khí hậu và các dự án thủy điện – công trình khai thác nguồn nước ở thượng nguồn.*

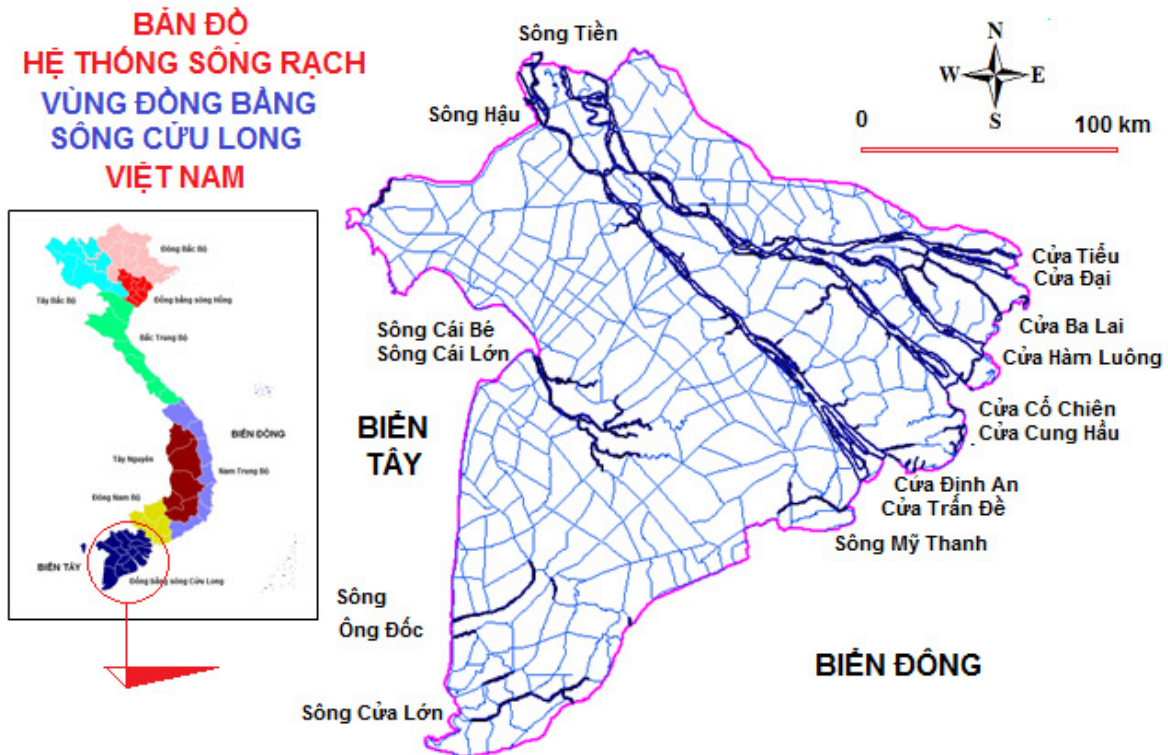
*Muốn có sự phát triển bền vững, các tỉnh ở ĐBSCL cần có một chương trình có quy mô vùng về hợp tác vì nước nhằm mục tiêu chia sẻ nguồn nước một cách hữu hiệu và hợp lý. Đây là một kế hoạch liên quan đến nhiều ngành, nhiều lĩnh vực liên quan đến việc quy hoạch sử dụng và bảo vệ tài nguyên nước. Báo cáo này điểm lại đặc điểm tự nhiên của nguồn nước ở vùng ĐBSCL, các nguy cơ và thách thức hiện nay và tương lai; đồng thời đề xuất các giải pháp mang tính chiến lược nhằm bảo đảm an ninh nguồn nước lâu dài và bền vững.*

**Từ khoá:** *Đồng bằng Sông Cửu Long, an ninh nguồn nước, hợp tác vì nước, phát triển bền vững, giải pháp chiến lược.*

### **1. HIỆN TRẠNG NGUỒN NƯỚC VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG**

Vùng Đồng bằng sông Cửu Long là nơi tiếp nhận toàn bộ nước từ sông Mekong đổ về, cộng thêm lượng mưa tại chỗ, rồi lần lượt chảy ra biển Đông. Với đặc điểm địa hình thấp và phẳng, nằm ở hạ lưu một con sông lớn trên thế giới, vùng Đồng bằng sông Cửu Long có một hệ thống sông rạch dày đặc (Hình 1), chiếm nhiều kỷ lục quốc gia liên quan đến tài nguyên nước. Sông Mekong là hệ thống sông có tải lượng dòng chảy lớn nhất ở Việt nam (chiếm 61% tổng lượng nước quốc gia), nhiều gấp 54 lần lượng nước vùng Đông Bắc. Mỗi năm sông Mekong chuyển về vùng đồng bằng này từ 450 – 475 tỷ m<sup>3</sup> nước và tải khoảng 160 triệu tấn phù sa. Nếu đem chia khối lượng nước và phù sa của sông Mekong cho gần 19 triệu người dân sống ở đây thì mỗi người có thể nhận từ 25.000 – 30.000 m<sup>3</sup> nước (gấp 5 – 6 lần lượng

nước nội địa trung bình cho mỗi đầu người Việt Nam, vào khoảng là 4.500 m<sup>3</sup>) và gần 8,5 tấn phù sa mỗi năm. Sông Mekong cũng mang lại một nguồn lợi cá tự nhiên rất lớn cho người dân Việt Nam, có thể cung cấp khoảng 35 kg cá tự nhiên/năm cho mỗi người trong vùng (Eric *et al.*, 2013). Mỗi năm vùng ĐBSCL nhận một lượng mưa dao động vào khoảng 1.600 – 2.200 mm. Trữ lượng nước ngầm của vùng này cũng rất lớn, tổng lượng nước dưới đất dự trữ ở ĐBSCL ước lượng vào khoảng 85 -90 triệu m<sup>3</sup>/ngày. Đây là một nguồn tài nguyên rất lớn, có ý nghĩa quan trọng trong việc tạo nên sự hình thành diện mạo và hình thái đất đai cho vùng đồng bằng. Vùng ĐBSCL được xem là vùng đất ngập nước lớn nhất Việt Nam (Tuan and Guido, 2007) với hệ sinh thái và tính đa dạng sinh học rất cao. Vùng này hiện có 10 khu bảo tồn đất ngập nước nổi tiếng, 2 khu bảo tồn Ramsar (Tràm Chim, Mũi Cà Mau), 2 địa danh được công nhận là khu dự trữ sinh quyển thế giới (Kiên Giang và Cà Mau). Nhờ những yếu tố thuận lợi về đất, nước và khí hậu, vùng ĐBSCL thực sự là vùng sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản lớn nhất Việt Nam, đóng góp hơn 50% sản lượng lương thực cho cả nước (trong đó khối lượng gạo xuất khẩu chiếm trên 90%), 65% sản lượng nuôi trồng thủy sản và 75% sản lượng trái cây trên toàn quốc. Ước tính, nếu không có những biến động bất lợi về nguồn tài nguyên, tiềm năng nông nghiệp của vùng ĐBSCL có khả năng cung ứng nguồn lương thực và thực phẩm bền vững cho khoảng 120 – 150 triệu người dân.



Hình 1: Bản đồ hệ thống sông rạch vùng Đồng bằng Sông Cửu Long

Theo quy luật tự nhiên, sự phân bố nguồn nước ở ĐBSCL không đồng đều gây những khó khăn nhất định cho việc sử dụng nước. Lưu lượng mùa lũ của sông Mekong đổ về có thể lên đến gần 40.000 m<sup>3</sup>/s nhưng trong mùa khô, có năm tụt thấp đến 1.200 – 1.700 m<sup>3</sup>/s tạo nên tình trạng khô hạn và xâm nhập mặn kéo dài. Sự phân bố lượng mưa theo thời gian cũng bất tương xứng, như lượng mưa mùa khô vùng ĐBSCL không đến 10% kéo dài gần 7 tháng so với 90% tập trung vào 5 tháng mùa mưa. Sự khô hạn còn là nguyên nhân gây hiện tượng nhiễm phèn khiến chất lượng nước bị chua, đặc biệt là đầu mùa mưa.

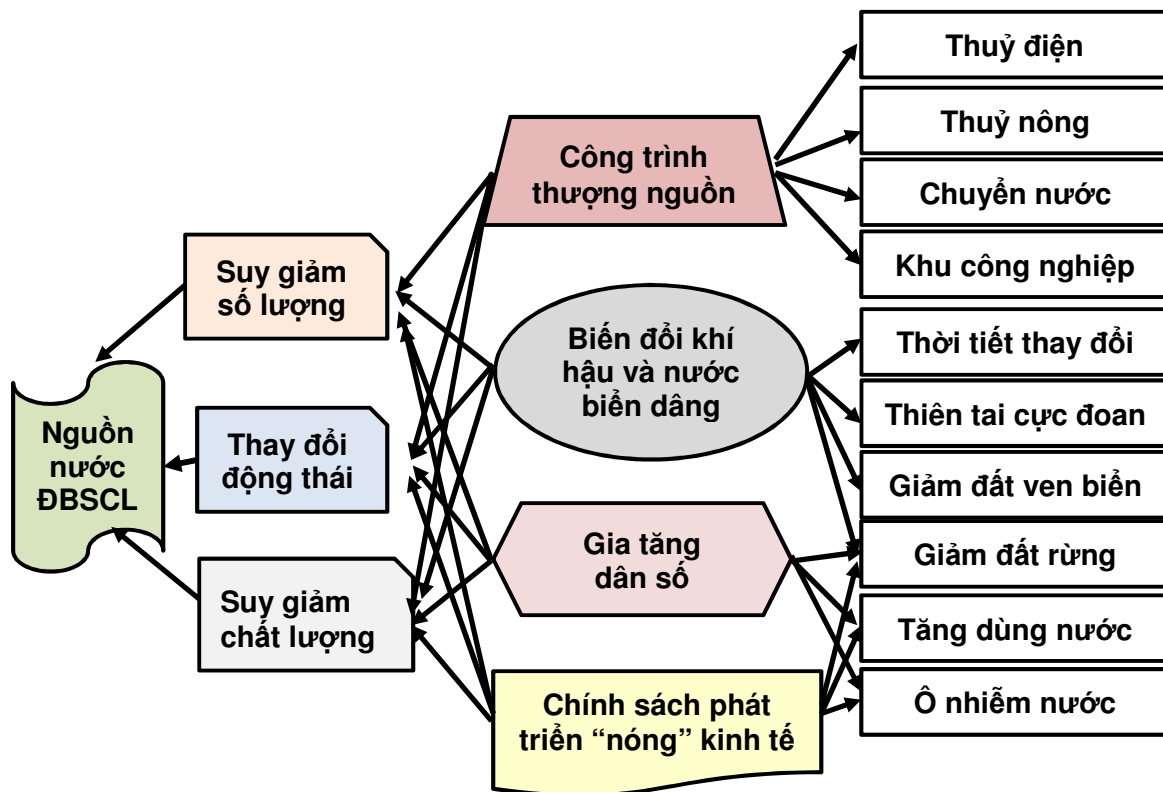
## **2. THỬ THÁCH ĐỐI VỚI NGUỒN NƯỚC Ở VÙNG ĐBSCL**

Những năm gần đây có nhiều dấu hiệu cho thấy tài nguyên nước ở ĐBSCL đang bị suy thoái cả về số lượng và chất lượng cũng như sự thay đổi động thái của dòng chảy theo mùa. Sự suy thoái này có thể do các yếu tố tự nhiên hoặc các yếu tố con người hoặc cả hai yếu tố này cùng tác động. Các số liệu quan trắc thủy văn cho thấy từ trận lũ lịch sử năm 2000 đến nay, dòng chảy mùa lũ từ thượng nguồn xuống vùng đồng bằng ngày càng giảm sút rõ rệt, năm 2010 được xem là năm mà có dòng chảy thấp nhất hàng thập kỷ nay. Lũ thấp kết hợp với tình trạng không khí khô nóng làm nguồn nước hiếm hoi ở vùng đồng bằng bốc thoát hơi mãnh liệt làm nhiều vùng ven biển bị khô hạn nghiêm trọng, nước mặn từ Biển Đông xâm nhập sâu vào đất liền khiến nhiều nơi gặp khó khăn hơn trong việc cung cấp nước sinh hoạt và sản xuất. Lũ thấp khiến nguồn cá tự nhiên giảm sút nghiêm trọng làm nguồn cung cấp đạm cho người dân ít đi. Lượng phù sa cũng ít đi khiến nông dân phải sử dụng phân bón hóa học nhiều hơn. Lũ ít cũng khiến việc vệ sinh đồng ruộng không được đầy đủ khiến các mầm bệnh, sâu bệnh, chuột bọ, các độc chất trong đất không bị rửa trôi khiến việc canh tác nông nghiệp và thủy sản khó khăn hơn. Hiện tượng sụt giảm tầng nước ngầm cũng rất đáng lưu ý, nhiều nơi nước ngầm sụt giảm 3-5 mét hoặc hơn nữa so với nhiều năm trước. Mùa lũ năm 2012 lại lớn bất thường làm nhiều vùng bị ngập úng nghiêm trọng, nhiều tuyến đê bao bị vỡ làm nhiều diện tích lúa và áo cá trong đê bị tổn thất. Ngoài ra, do suy giảm không gian chứa nước lũ từ hai vùng trũng Tứ giác Long Xuyên và vùng Đồng Tháp Mười khiến nhiều vùng đất ở hạ lưu bị ngập sâu hơn và kéo dài thời gian ú nước hơn, chưa kể nhiều bờ sông bị sạt lở do dòng chảy gia tăng tốc độ. Sự khai thác ô ạt qua các giếng khoan tư nhân, sự thiếu kiểm soát và chưa có biện pháp quản lý tài nguyên nước dưới đất hữu hiệu hiện nay làm nguồn nước ngầm đang có dấu hiệu xấu đi. Một số nước giếng có sự hiện diện của thạch tín (asenic), nhất là các giếng nước khoan ở các tỉnh như An Giang và Đồng Tháp. Các giếng nước ở vùng ven biển, nhất là các giếng nông, ngoài có sự hiện diện khá cao của ion sắt còn có dấu hiệu nhiễm mặn từ nước biển. Sự sụt giảm nguồn nước mặt còn là nguyên nhân chính khiến phèn tiềm tàng trong đất trở thành phèn hoạt động khiến chất lượng nước và chất lượng đất nhiều nơi trở nên xấu đi.

Chính sách phát triển kinh tế quá nhanh chóng nhưng thiếu kiểm soát cộng thêm yếu tố gia tăng dân số khiến chất lượng nguồn nước ở ĐBSCL đang trở nên xấu hơn. Việc gia tăng các hình thức thâm canh, tăng vụ trong sản xuất lúa, nuôi trồng thủy sản, chăn nuôi gia súc khiến nguồn nước bị nhiễm dư lượng các loại nông dược, thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ, thuốc kháng sinh, thuốc tăng trọng, các chất hữu cơ chưa phân hủy ... Kế hoạch phát triển lớn diện tích lúa vụ ba buộc nhiều vùng trũng ở các tỉnh đầu nguồn phải đẩy mạnh gia tăng diện tích đê bao triệt để, xoá dần các vùng đê bao lừng trước đó. Thực tế, chất lượng nước trong các vùng đê bao khá xấu do tích tụ nhiều hoá chất nông nghiệp, nước thải từ các dân cư và không có điều kiện trao đổi với nguồn nước sạch bên ngoài. Tập quán cất nhà, họp chợ ngay bên sông rạch khiến nguồn nước phải tiếp nhận nhiều chất thải trong sinh hoạt như rác thải, nước thải, chất thải người và gia súc. Hầu hết các tỉnh thành đều có hình thành các khu công nghiệp, khu chế biến và các nhà máy dọc theo ven sông lớn khiến nước thải công nghiệp chưa được xử lý có cơ hội làm chất lượng nước suy thoái tới mức báo động. Nhiều khảo sát ở các trạm quan trắc môi trường cho thấy chất lượng nước trong các kênh rạch nhỏ ô nhiễm nghiêm trọng vượt qua nhiều lần mức cho phép của tiêu chuẩn nguồn nước khiến khả năng tự làm sạch nguồn nước tự nhiên bị hạn chế. Sự xáo trộn chất lượng nước liên quan đến ô nhiễm hữu cơ, xâm nhập mặn khiến môi trường sống nhiều loài thủy sinh bị đe dọa, hàng trăm vụ tôm, cá, các loài nhuyễn thể đột ngột chết hàng loạt do nguyên nhân nguồn nước bị ô nhiễm đã minh chứng cho thực tại rất đáng lo ngại này.

Biến đổi khí hậu tác động mạnh lên tài nguyên nước (Kenneth, 2007, Trần Thanh Xuân *et al.*, 2011). Kết quả mô phỏng toán học theo các kịch bản phát thải khí nhà kính (TTK & SEA START RC, 2009; Tuan and Suppakorn, 2010; Bộ Tài nguyên và Môi trường, 2011), đều cho thấy trong tương lai, nhiệt độ khu vực vùng ĐBSCL có xu thế gia tăng dần khiến khô hạn nghiêm trọng hơn, lượng mưa thay đổi thất thường, sự phân bố lượng mưa theo tháng đang có dấu hiệu biến động khác với những quy luật nhiều năm trước, bão tố dường như đang có hướng dịch chuyển xuống các tỉnh phía Nam vào cuối năm và khó dự báo hơn. Hiện tượng nước biển dâng đang diễn ra đe dọa không chỉ riêng cho các tỉnh vùng ven biển mà còn liên quan đến các vùng nước trong nội địa vùng ĐBSCL. Nước biển dâng cao làm mất đất thu hẹp sản xuất và ảnh hưởng đến năng suất và sản lượng lương thực. Cuộc sống cư dân ngày càng khó khăn hơn do thiếu nguồn nước sinh hoạt và sản xuất. Nhiều dấu hiệu cho thấy ngày càng nhiều người dân nông thôn bỏ lên thành thị để tìm sinh kế mới có ít nhiều liên quan đến sự suy thoái tài nguyên nước cũng như các nguồn tài nguyên liên quan như đất, rừng, sinh vật, ...

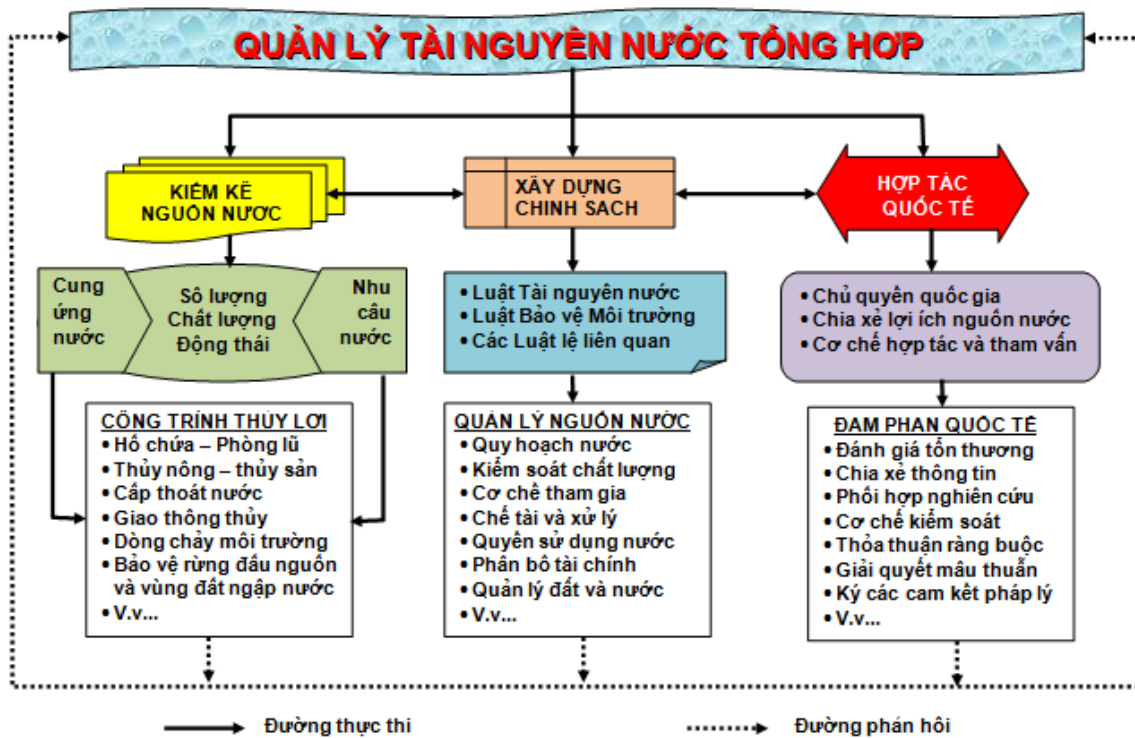
Tài nguyên nước vùng ĐBSCL bị đe dọa do các ảnh hưởng nguy cơ chưa lường hết được từ các công trình khai thác nguồn nước ở các quốc gia thượng nguồn sông Mekong. Hàng loạt đập nước - nhà máy thủy điện đang và sẽ hình thành trên các sông nhánh và cả dòng sông chính ở Trung Quốc, Lào và Cambodia khiến chế độ dòng chảy sẽ thay đổi. Trung Quốc và Thái Lan có triển khai các công trình chuyển nước từ sông Mekong sang lưu vực khác trong nội địa của họ khiến nguồn nước thiếu hụt đi, đặc biệt là mùa khô. Cambodia đang có kế hoạch mở rộng các hệ thống thủy nông để gia tăng diện tích canh tác lúa. Ngoài ra, việc phát triển các khu kỹ nghệ ven sông ở các nước thượng nguồn cũng sẽ làm chất lượng nước ở hạ lưu xấu hơn. Thực tế, vùng ĐBSCL đang và sẽ bị các tác động “kép” do cả yếu tố bên trong và bên ngoài tác động đồng thời ảnh hưởng lên tài nguyên nước khu vực (Hình 2).



Hình 2: Các nhân tố chính tác động đến tài nguyên nước vùng ĐBSCL

### 3. “**HỢP TÁC VÌ NƯỚC**” VÀ **QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN NƯỚC TỔNG HỢP**

“Hợp tác vì nước” không là một khái niệm mới và vấn đề này đã được đề xuất trong nhiều nghiên cứu về quản lý nước (UNESCO, 2011). Tuy nhiên đây là một khẩu hiệu nhấn mạnh hơn cho mục tiêu hợp tác tạo ra các sáng kiến để đối phó với các thử thách trong quản lý nước, bao gồm cả các hoạt động giáo dục về nguồn nước, ngoại giao nước, quản lý nước xuyên biên giới, hợp tác tài trợ trong khuôn khổ pháp lý giữa quốc gia và quốc tế, liên kết với các mục tiêu Thiên nhiên kỷ của Liên hiệp quốc. “Hợp tác vì Nước” là một thực thi của giải pháp “Quản lý tài nguyên nước tổng hợp” (Integrated Water Resources Management - IWRM). Theo Tổ chức Hợp tác vì Nước Toàn cầu (Global Water Partnership, 2004): “*Quản lý tài nguyên nước tổng hợp là một quá trình thúc đẩy sự phối hợp phát triển và quản lý nguồn nước, đất đai và tài nguyên liên quan, nhằm tối đa hoá lợi ích kinh tế và phúc lợi xã hội một cách công bằng mà không phương hại đến tính bền vững của các hệ sinh thái thiết yếu*”. Mục tiêu tổng quát của việc phát triển và quản lý tài nguyên nước là sử dụng bền vững tài nguyên nước đáp ứng nhu cầu của phát triển xã hội, tăng trưởng kinh tế và bảo vệ môi trường. Quan hệ này khá phức tạp và có thể đề xuất các hoạt động hiện này cho cơ chế quản lý tài nguyên nước tổng hợp như thể hiện ở lưu đồ hình 3.

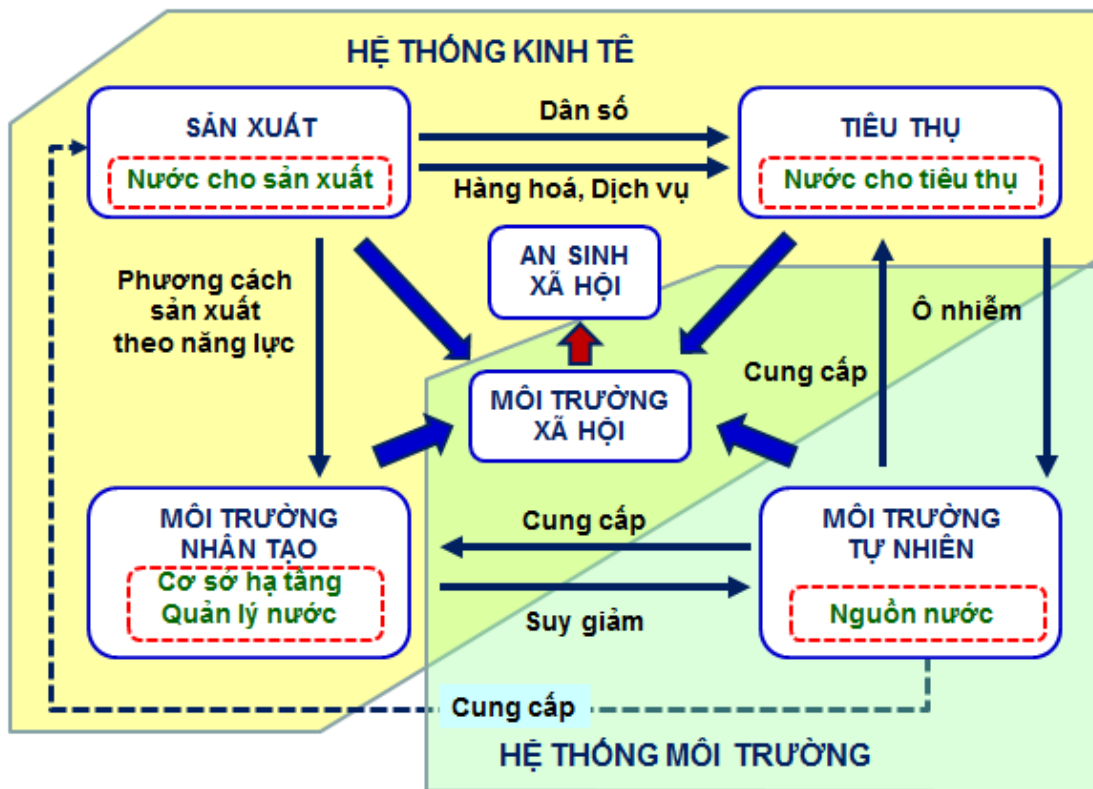


Hình 3: Các hoạt động chính cho việc quản lý tài nguyên nước tổng hợp

Nhiều nghiên cứu đã chứng tỏ các bất hợp lý trong cán cân khai thác và phân phối nguồn nước khiến nhiều vùng và nhiều người lâm vào tình trạng thiếu nước. Đánh giá khả năng mất an ninh nguồn nước trong một vùng miền, một lưu vực hay một hay nhiều quốc gia có thể xác định qua 3 khía cạnh. Thứ nhất là khía cạnh xã hội, khi một người dân bình thường trong một cộng đồng, đặc biệt là người nghèo, không thể tiếp cận được nguồn nước cho sinh hoạt bình thường hằng ngày của họ như ăn uống và vệ sinh cá nhân như một quyền cơ bản của con người. Thứ hai là khía cạnh kinh tế, khi nguồn nước không thể đủ và an toàn để cung ứng an toàn sản xuất kinh tế của cộng đồng. Thứ ba là khía cạnh sinh thái khi giới hạn tối thiểu và tối đa nhu cầu nước để duy trì và phát triển hệ sinh thái nguyên vẹn của khu vực bị phá vỡ. Yêu

cầu phát triển kinh tế là một thực thể phải thừa nhận, tuy nhiên cân bằng giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường là điều cần phải xem xét và cân đối. Một hệ thống kinh tế sẽ bao gồm hệ thống sản xuất và hệ thống tiêu thụ cho sản phẩm của nó, bên cạnh đó phải có những cơ sở hạ tầng phục vụ. Mọi hoạt động này đều có những nhu cầu tiêu thụ nước đặc thù. Vấn đề là phải kiểm soát sự tiêu thụ nước này không làm suy thoái môi trường đến mức độ không phục hồi được. Tất cả các mối quan hệ này đều ảnh hưởng đến môi trường xã hội và an sinh xã hội. Mục tiêu của “Hợp tác vì nước” là tạo nên các tuyến thông tin và chia sẻ cho sự bền vững nguồn nước (Hình 4). Trong một báo cáo kỹ thuật của Tổ chức Lương Nông Quốc tế (FAO, 2000), khi khai thác nguồn nước để tránh các nguy cơ làm an ninh nguồn nước bị đe dọa, chúng ta cần thận trọng trả lời các câu hỏi sau:

1. Hệ quả (xã hội, kinh tế và môi trường) là gì khi lấy nước từ nguồn thiên nhiên?
2. Giữa sử dụng đất và nguồn nước có quan hệ gì?
3. Những gì phải trả giá khi có sự chuyển đổi nguồn nước và sử dụng đất?
4. Những vấn đề xã hội cần lưu ý khi có sự khủng hoảng nguồn nước?



Hình 4: Quan hệ giữa hệ thống kinh tế và hệ thống môi trường trong “Hợp tác vì nước”

#### 4. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ

Nước là một yếu tố quan trọng trong sinh hoạt, sản xuất và văn hóa của người Việt Nam nói chung và của vùng ĐBSCL nói riêng. Sản xuất chính của người Việt Nam vẫn là nông nghiệp và thủy sản là hai ngành sử dụng tài nguyên nước nhiều nhất. Biến đổi khí hậu, nước biển dâng và những tác động về vấn đề nguồn nước xuyên biên giới đang và sẽ là những thử thách rất lớn uy hiếp sự phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam khiến nền nông nghiệp vùng Đồng bằng sông Cửu Long có thể bị mất bền vững.

Do các thử thách ngày càng lớn lên an ninh nguồn nước ở Việt Nam, các cơ quan quản lý tài nguyên và cộng đồng địa phương phải có liên kết, có cam kết chính trị và đầu tư tài chính hiệu quả trong việc kiểm kê, quy hoạch, khai thác, phân phối, sử dụng và bảo vệ môi trường nước. Quy hoạch nguồn nước cần làm đồng bộ từ cấp cộng đồng trở lên và không thể giới hạn trong phạm vi một địa phương mà phải đặt trong bối cảnh lớn hơn ở cấp liên vùng, lãnh thổ địa lý quốc gia và liên quốc gia. Phải có cơ chế pháp lý thông qua các đàm phán chính trị nhằm cân đối và giải quyết các mâu thuẫn nguồn nước giữa các quốc gia ở lưu vực. Bên cạnh, cần củng cố, bổ sung và cụ thể hóa hơn nữa Luật Tài nguyên Nước và Luật Bảo vệ Môi trường để đáp ứng những tình huống mới phát sinh ở hiện tại và tương lai. Các hành vi làm tổn hại nguồn nước phải được chế tài bằng công cụ luật pháp. Cần phải thường xuyên giáo dục nâng cao ý thức cộng đồng trong việc giữ gìn môi trường, bảo vệ rừng xanh, sử dụng nước tiết kiệm và chống các biểu hiện làm suy thoái nguồn nước. Ngoài ra, nên có những tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng và các nhà quản lý. Các địa phương nên phối hợp với các khoa học để tìm ra các biện pháp thích nghi hợp lý cho cộng đồng. Việc tăng cường hợp tác khoa học với các tổ chức trong và ngoài nước cũng cần đẩy mạnh để có những chia sẻ thông tin và kiến thức để có những chọn lựa hợp lý trong khai thác và bảo vệ nguồn nước.

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (2011). *Kịch bản Biến đổi Khí hậu và Nước biển dâng cho Việt Nam*. Hà Nội, 117 p.
- Eric Baran, Chheng Penh and Sam Nuov (2013). *Food Security in the Mekong – the Contribution of Fisheries*. Oral presentation in the Meeting on Food security in the Mekong, Chiang Mai, Thailand, March 11-13, 2013.
- FAO (2000). *New dimensions in water security*. Document No. AGL/MISC/25/2000. Rome.
- Kenneth D. Frederick (1997). *Water Resources and Climate Change*. Climate Issues Brief No. 3. Resources for the Future.
- Le Anh Tuan and Suppakorn Chinvanho, 2011. Climate Change in the Mekong River Delta and Key Concerns on Future Climate Threats. Book Chapter in: Mart A. Stewart and Peter A. Coclanis (Eds), *Environmental Change and Agricultural Sustainability in the Mekong Delta*, Advances in Global Change Research, 2011, 45(3): 207-217.
- Global Water Partnership (2004). *Integrated Water Resources Management*, GWP Technical Committee (TEC) Background Paper No. 4. Available in web-link: <http://www.gwpforum.org>
- Trần Thanh Xuân, Trần Thục, Hoàng Minh Tuyên (2011). *Tác động của Biến đổi Khí hậu lên Tài nguyên Nước ở Việt Nam*. Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội. 304 p.
- TTK & SEA START RC. (2009). *Water and Climate Change in the Lower Mekong Basin: Diagnosis & Recommendations for Adaptation*. Water and Development Research Group, Helsinki University of Technology (TTK), and Southeast Asia START Regional Center (SEA START RC), Chulalongkorn University, Water & Development Publications, Helsinki University of Technology, Espoo, Finland
- Tuan Le Anh and Guido Wyseure (2007). *Action Plan for the Multi-level Conservation of Forest Wetlands in the Mekong River Delta, Vietnam*. Paper presentation in the International Congress on Development, Environment and Natural Resources: Multi-level and Multi-scale Sustainability. Cochabamba, Bolivia.
- UNESCO (2011). *Towards the UN Conference on Sustainable Development (Rio+20): Water Cooperation Issues*. UNESCO’s PREPCOM Conference in 19-20 October, 2011, UN Water, South-South News, UNDP, OSCE Offices in Dushanbe.